

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS-ST

Ngày 22 - 3 - 2022

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

**- *T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Việt

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Hữu Hiệp

Bà Trịnh Ngọc Dung

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 179/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hùng A, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã KL, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Việt T, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã NP, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trương Thị N, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã KL, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Trong đơn khởi kiện ngày 05/11/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hùng A trình bày:*

Vào tháng 11/2020 (không nhớ ngày), ông có bán cho ông Nguyễn Việt T 04 can mật ong, mỗi can là 30 lít, giá mỗi can là 10.500.000 đồng, tổng cộng 04 can với số tiền là 42.000.000 đồng. Ông T đã trả trước cho ông được 17.000.000 đồng, ông T còn nợ lại 25.000.000 đồng. Khi mua bán hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không có làm giấy tờ gì.

Sau đó ông có đòi ông T số tiền còn thiếu nhiều lần nhưng ông T không trả. Đến ngày 12/9/2021 dương lịch (nhằm ngày 23/8/2021 âm lịch), ông T viết giấy cam kết trả số tiền mua mật ong còn thiếu, trong giấy cam kết ông T có ghi trả lại cho ông 01 can mật ong, nhưng từ đó đến nay ông T cũng không trả lại cho ông 01 can mật ong và số tiền đã thiếu.

Ông cho rằng khi bán 04 can mật ong cho ông T thì hai bên không có thỏa thuận nếu khách hàng mua cho rằng mật ong kém chất lượng trả lại thì ông sẽ nhận lại, do lúc đó ông giao số mật ong này ông T đã xem thống nhất chất lượng nên mới nhận. Còn việc khách hàng từ khi mua đến khi trả về 01 can mật ong thời gian đã lâu và đã qua trung gian nên không đảm bảo có đúng số mật ong mà ông bán cho ông T không, nên ông không đồng ý nhận lại 01 can mật ong mà ông T đưa lại.

Nay ông yêu cầu ông T trả cho ông số tiền mua mật ong còn thiếu là 25.000.000 đồng.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 07/01/2022, bị đơn ông Nguyễn Việt T trình bày:*

Ông thừa nhận vào tháng 11/2020 (không nhớ ngày), ông có mua của ông Nguyễn Hùng A 04 can mật ong, mỗi can là 30 lít, giá mỗi can là 10.500.000 đồng, tổng cộng 04 can với số tiền là 42.000.000 đồng. Ông đã trả trước cho ông A được 17.000.000 đồng, ông còn nợ lại ông A số tiền 25.000.000 đồng. Khi mua bán hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không có làm giấy tờ gì. Số mật ong này ông mua để bán lại cho người khác, khi mua 04 can mật ong này ông có thỏa thuận với ông A là nếu khách hàng mua cho rằng mật ong kém chất lượng trả lại thì ông A sẽ nhận lại, lúc đó hai bên chỉ thỏa thuận miệng và không ai chứng kiến.

Sau đó, ông bán số mật ong này cho người khác, nhưng có khách hàng trả lại ông 01 can mật ong do kém chất lượng, ông có yêu cầu ông A đến nhận 01 can mật ong mà khách hàng trả lại nhưng ông A không đồng ý đến nhận.

Nay ông đồng ý trả cho ông A số tiền mua mật ong còn thiếu là 14.500.000 đồng (tương ứng với 03 can mật ong), còn lại 01 can mật ong tương ứng số tiền 10.500.000 đồng thì ông không đồng ý trả cho ông A do can mật ong này kém chất lượng.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 07/01/2022, người liên quan bà Trương Thị N trình bày:*

Bà thống nhất với trình bày của chồng bà là ông An, bà không có ý kiến và yêu cầu gì tại vụ án.

Tại phiên tòa, ông A, ông T và bà N vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện và ý kiến như trình bày, không ai có ý kiến gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung tranh chấp: Ông A và ông T thừa nhận vào tháng 11/2020 (không nhớ ngày), ông A bán cho ông T 04 can mật ong, mỗi can là 30 lít, giá mỗi can 10.500.000 đồng, tổng cộng 04 can với số tiền 42.000.000 đồng, ông T đã trả trước cho ông A được 17.000.000 đồng, ông T còn nợ lại 25.000.000 đồng, khi mua bán hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không có làm giấy tờ gì. Ông A cho rằng khi bán 04 can mật ong cho ông T thì hai bên không có thỏa thuận nếu khách hàng mua cho rằng mật kém chất lượng trả lại thì ông sẽ nhận lại, do lúc giao mật ong thì ông T đã xem thống nhất chất lượng nên mới nhận, do đó ông yêu cầu ông T trả cho ông tiền mua mật ong còn thiếu 25.000.000 đồng. Đối với

ông T cho rằng khi mua 04 can mật ong, ông có thỏa thuận với ông A là khi khách hàng mua cho rằng mật kém chất lượng trả lại thì ông A sẽ nhận lại, do đó ông chỉ đồng ý trả tiếp cho ông A số tiền 14.500.000 đồng (tương ứng với 03 can mật ong), còn lại 01 can mật ong tương ứng số tiền 10.500.000 đồng thì ông không đồng ý trả cho ông A do can mật ong này kém chất lượng khách hàng đã trả lại.

[2] Khi mua bán 04 can mật ong nói trên giữa ông A và ông T chỉ trao đổi thỏa thuận miệng, hai bên không có làm giấy tờ gì để làm cơ sở. Ông T cho rằng khi mua 04 can mật ong, ông có thỏa thuận với ông A là khi khách hàng mua cho rằng mật kém chất lượng trả lại thì ông A sẽ nhận lại, thực tế khách hàng đã trả lại 01 can mật nên ông không đồng ý trả tiền cho ông A can mật ong này. Phía ông A không thừa nhận có sự thỏa thuận này, ông T cũng không có chứng cứ gì chứng minh nội dung thỏa thuận trên. Mặc khác, khi mua bán 04 can mật ong hai bên không có thỏa thuận cụ thể tiêu chuẩn chất lượng như thế nào mà chỉ xem mật rồi thống nhất mua bán và thỏa thuận giá cả, khi nhận số mật này ông T cũng thống nhất chất lượng nên mới nhận, còn việc ông T bán lại số mật này cho khách hàng như thế nào do ông T chịu trách nhiệm. Đối với 04 can mật ong đã mua, ông T cho rằng đã bán lại cho người khác, nhưng trong đó chỉ có 01 can mật khách hàng đã trả về, can mật này đã qua nhiều trung gian và thời gian mua bán đã lâu nên không xác định được mật kém chất lượng do đâu, có phải do ông A giao mật kém chất lượng hay do yếu tố nào khác dẫn đến mật kém chất lượng, đồng thời cũng chưa có cơ sở xác định chính xác can mật khách hàng trả về có đúng can mật ông A đã bán cho ông T hay không, do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông T về việc đòi trả 01 can mật kém chất lượng tương ứng số tiền 10.500.000 đồng.

[3] Từ những căn cứ trên, có cơ sở chấp nhận khởi kiện của ông A yêu cầu ông T trả tiền mua mật ong còn thiếu là 25.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Do khởi kiện của ông A được chấp nhận nên ông T phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch 5% đối với số tiền phải trả với số tiền án phí là 1.250.000 đồng. Ông A không phải chịu án phí, ngày 13/12/2021 ông A nộp tạm ứng án phí số tiền 625.000 đồng theo biên lai thu số 0010135 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được nhận lại.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận khởi kiện của ông Nguyễn Hùng A yêu cầu ông Nguyễn Việt T trả số tiền mua mật ong còn thiếu.

Buộc ông Nguyễn Việt T có nghĩa vụ trả tiền mua mật ong còn thiếu cho ông Nguyễn Hùng A với số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực, ông Nguyễn Hùng A có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Việt T chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự có giá ngạch ông Nguyễn Việt T phải chịu 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm chục ngàn đồng). Ông Nguyễn Hùng A không phải chịu án phí, ngày 13/12/2021 ông An nộp tạm ứng án phí số tiền 625.000 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010135 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được nhận lại.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- CCTHADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP TANDHUM.

**Bùi Văn Việt**